

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - THANH HÓA**

Bản án số: 54 /2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24- 6 -2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hiếu, ông Đặng Thành Trung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
khu vực 6 - Thanh Hóa.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thanh Hóa tham gia phiên
tòa:** Bà Lê Huyền Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử TAND khu vực 6 - Thanh
Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 92/2026/TLST-HNGĐ ngày
26 tháng 3 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 1015/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2026
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị [Trần Thị H](#), sinh năm 1994; CCCD số: 038194017835

Cư trú tại: [Xóm E Đ, phường B, tỉnh Thanh Hóa](#)

Chỗ ở hiện nay: 195 Bà [T](#), [TDP C B, phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#) (có mặt).

Bị đơn: Anh [Trần Đình H1](#), sinh năm 1992; CCCD số: 038092001680

Cư trú tại: [Xóm E Đ, phường B, tỉnh Thanh](#) (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2026 và bản tự khai, nguyên đơn chị [Trần Thị H](#)
trình bày:

Chị và anh [Trần Đình H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của
hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh
Hóa](#) năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian
ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, thường

xuyên cãi nhau, không hợp nhau, anh [H1](#) không quan tâm đến vợ con. Vì mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng nên vợ chồng đã ly thân 5 năm nay không ai quan tâm đến ai. Chị về nhà mẹ đẻ ở và hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh [Trần Đình H1](#).

-Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu đầu tên là [Trần Khánh N](#) (nữ), sinh ngày 02/7/2014, cháu thứ hai tên là [Trần Đình Bảo L](#) (nam), sinh ngày 30/4/2016. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cháu [Bảo L](#), còn giao cháu [Khánh N](#) cho anh [H1](#) nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên hoặc có khả năng lao động, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2026 anh [Trần Đình H1](#) trình bày: Anh và chị [H](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND xã H](#) năm 2014. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Sau này anh phát hiện chị [H](#) có quan hệ bất chính với người khác nên muốn ly hôn. Nay nếu chị [H](#) làm đơn ly hôn thì anh đồng ý và nguyện vọng của anh là nuôi 2 con [Trần Khánh N](#) sinh ngày 02/7/2014 và [Trần Đình Bảo L](#), sinh ngày 30/4/2016 và có yêu cầu cấp dưỡng cho hai con là 5.000.000đ/1con, 10 triệu/ 2con.

Về tài sản: Không có gì chung.

Vì điều kiện công việc bận rộn anh đề nghị Toà án giải quyết và xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản xác minh ngày 25/5/2026 ông [Vũ Văn T1](#), tổ trưởng [tổ dân phố Đ](#) cho biết: Vợ chồng chị [Trần Thị H](#) và anh [Trần Đình H1](#) kết hôn năm 2014, vợ chồng có 02 con chung là cháu [Trần Khánh N](#) và [Trần Đình Bảo T2](#). Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như thế nào trưởng thôn không nắm rõ, hai vợ chồng cũng không yêu cầu tổ dân phố hoà giải nên thôn không nắm rõ được mâu thuẫn vợ chồng. Chị [H](#) bỏ đi làm ăn ở [B](#) lâu nay không về chung sống cùng anh [Trần Đình H1](#). Hiện nay anh [H1](#) đang chung sống cùng hai con tại [thôn Đ, phường B \(xã H cũ\), tỉnh Thanh Hóa](#). Nay chị [Trần Thị H](#) làm đơn ly hôn đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh [Trần Đình H1](#) không có mặt và đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh, chị [Trần Thị H](#) có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Nên ngày 05/6/2026 TAND khu vực 6- Thanh Hoá đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị [Trần Thị H](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Trần Thị H](#) được ly hôn với anh [Trần Đình H1](#)

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu [Trần Đình Bảo L](#) (nam), sinh ngày 30/4/2016 cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu [Trần Khánh N](#) (nữ), sinh ngày 02/7/2014 cho anh [Trần Đình H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX miễn xét.

* Về án phí ly hôn sơ thẩm: Đề nghị buộc chị [Trần Thị H](#) phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu đương sự và của Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị [Trần Thị H](#) khởi kiện yêu cầu TAND khu vực 6 - Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Trần Đình H1](#). Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”;

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại [phường B, tỉnh Thanh Hóa](#), vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 6 - Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS;

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị [Trần Thị H](#) có mặt, anh [Trần Đình H1](#) vắng mặt có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh [Trần Đình H1](#).

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Chị [Trần Thị H](#) và anh [Trần Đình H1](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại [UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa](#) năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị [H](#) cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau, anh [H1](#) đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ cùng [thôn Đ](#) ở sau đó chị vào [M](#) 2 năm rồi về [phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#) làm nghề cắt tóc và vợ chồng đã ly thân khoảng 05 năm nay không ai quan tâm đến ai. Anh [H1](#) cho rằng nguyên nhân do chị [H](#) có quan hệ tình cảm với người khác, tuy nhiên anh cũng đồng ý ly hôn nếu chị [H](#) yêu cầu. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị [H](#) đã đi làm ăn ở [phường Q, tỉnh Thanh Hóa](#), không còn chung sống cùng anh [H1](#)

trong thời gian dài; hiện anh [H1](#) đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Điều đó cho thấy đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã lâm vào trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị [H](#) là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu [Trần Khánh N](#) (nữ), sinh ngày 02/7/2014 và cháu [Trần Đình Bảo L](#) (nam), sinh ngày 30/4/2016.

Chị [H](#) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [Bảo L](#) và giao cháu [Khánh N](#) cho anh [H1](#) nuôi dưỡng. Anh [H1](#) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị [H](#) cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000đ/2 cháu.

HĐXX xét thấy, hiện nay cả hai cháu đều đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bố. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyện vọng của con là một trong các căn cứ để xem xét việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, không phải là căn cứ duy nhất để quyết định.

Quá trình giải quyết vụ án cho thấy chị [H](#) và anh [H1](#) đều có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị [H](#) có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu [Trần Đình Bảo L](#) và cam kết bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc học tập, sinh hoạt và phát triển của cháu và tại phiên toà chị [H](#) khai hiện nay chị đang làm nghề cắt tóc thu nhập bình quân khoảng 15.000.000đ/tháng nên có khả năng nuôi dưỡng cháu [L](#). Mặt khác, việc giao mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một người con sẽ bảo đảm quyền, nghĩa vụ của cả cha và mẹ đối với con sau khi ly hôn, đồng thời giảm bớt gánh nặng kinh tế trong việc nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy cháu [Trần Khánh N](#) là con gái, hiện đã bước vào độ tuổi vị thành niên, việc giao cháu cho anh [H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và điều kiện thực tế hiện nay. Đối với cháu [Trần Đình Bảo L](#), xét cháu còn nhỏ, chị [H](#) có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng và có đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục cháu, nên cần giao cháu [Bảo L](#) cho chị [H](#) trực tiếp nuôi dưỡng.

Do vậy, để bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu, HĐXX giao cháu [Trần Khánh N](#) cho anh [Trần Đình H1](#) trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu [Trần Đình Bảo L](#) cho chị [Trần Thị H](#) trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị [H](#) không yêu cầu anh [H1](#) cấp dưỡng đối với cháu [Bảo L](#); anh [H1](#) có yêu cầu chị [H](#) cấp dưỡng đối với 2 con mỗi tháng 10.000.000đ. Tuy nhiên, do mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một người con và các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để xác định cụ thể mức cấp dưỡng phù hợp nên HĐXX không đặt ra xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các bên.

[2.3] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị [Trần Thị H](#) phải nộp 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Top of FormBottom of Form

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 277 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và tiểu mục 1.1 phần 1 mục II danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị [Trần Thị H](#)

- Về hôn nhân: Xử cho chị [Trần Thị H](#) được ly hôn với anh [Trần Đình H1](#).

- Về con cái: Giao cháu [Trần Khánh N](#) (giới tính: nữ), sinh ngày 02/7/2014 cho anh [Trần Đình H1](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu [Trần Đình Bảo L](#) (giới tính: nam), sinh ngày 30/4/2016 cho chị [Trần Thị H](#) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị [Trần Thị H](#) và anh [Trần Đình H1](#) không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị [Trần Thị H](#) phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị [H](#) đã nộp tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 6- Thanh Hoá ngày 25/3/2026 theo biên lai thu số: 0002240. Như vậy, chị [H](#) đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị [Trần Thị H](#) và vắng mặt anh [Trần Đình H1](#).

Chị [Trần Thị H](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/6/2026), anh [Trần Đình H1](#) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Toà án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND khu vực 6;

TÒA

- *Đương sự;*
- *THADS tỉnh Thanh Hoá;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*
- *UBND phường Bim Sơn*
(ĐK 12/6/2014);
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÓNG THỊ HÀ